TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/DS-ST

Ngày: 08-8-2022

"V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Mai Thị Nhặc

- Bà Trần Thị Sẩm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2022/TLST – DS, ngày 19/4/2022, về: "Tranh chấp hợp đồng góp hụi", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2022/QĐXX – ST, ngày 22/7/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Thanh X, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: ấp P, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976; Địa chỉ cư trú: khu phố A, thị trấn M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền (ủy quyền lại): Bà Nguyễn Thị Hồng S, sinh năm 1997; Địa chỉ cư trú: ấp A, xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phượng L, sinh năm 1988; Địa chỉ cư trú: ấp A, xã B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Nhật N, sinh năm 1992; Địa chỉ cư trú: 427C4 khu phố B, phường P, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Anh K, sinh năm 1989; Địa chỉ cư trú: ấp A, xã B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Nhật N, sinh năm 1992; Địa chỉ cư trú: 427C4 khu phố B, phường P, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bà S, ông N có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2022 của nguyên đơn bà Đặng Thị Thanh X, lời trình bày trong quá trình tố tụng của người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn P, lời trình bày tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Hồng S có nội dung:

Trong đơn khởi kiện, bà Đặng Thị Thanh X buộc bà Nguyễn Thị Phượng L và ông Nguyễn Anh K có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi là 70.640.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu số tiền là 67.640.000 đồng (lý do có sai sót trong khâu tính toán nên cộng nhầm số tiền).

Lý do yêu cầu: Bà X có tham gia 03 dây hụi do bà L làm đầu thảo gồm:

+ Dây hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 27/7/2021al, là hụi tháng, mỗi tháng khui 01 lần, gồm 13 phần, bà X tham gia 01 phần, đóng được 06 tháng hụi sống với số tiền là 9.100.000 đồng. Hụi mãn vào ngày 27/7/2022al.

+ Dây hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 14/7/2021al, là hụi tuần, mỗi tuần khui 01 lần, gồm 38 phần, bà X tham gia 01 phần, đóng được 30 tuần hụi sống với số tiền là 24.090.000 đồng. Hụi mãn vào ngày 30/3/2022.

+ Dây hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 15/01/2022, là hụi ngày, mỗi ngày khui 01 lần, gồm 30 phần, bà X tham gia 01 phần, đóng được 21 ngày hụi sống với số tiền là 34.450.000 đồng. Hụi mãn vào ngày 23/02/2022.

Việc tổ chức hụi với hình thức góp hụi thông qua tin nhắn Zalo, đóng hụi qua tài khoản cá nhân của bà L, khi bà L nhận tiền đều có tin nhắn giao kết với nhau. Đầu tháng 3/2022, bà L vỡ hụi, bà L hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả nên phát sinh tranh chấp. Do bà L chơi hụi làm kinh tế gia đình, ông Nguyễn Anh K là chồng của bà L có biết việc bà L chơi hụi nên buộc ông K phải có trách nhiệm liên đới cùng trả.

- Lời trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị Phượng L tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2022 và của người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Nhật N trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa có nội dung:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà X với số tiền là 70.640.000 đồng trong đơn khởi kiện, nay thay đổi là 67.640.000 đồng, bà L thừa nhận và đồng ý trả 67.640.000 đồng cho bà X. Đây là số tiền nợ của cá nhân bà L nên bà L trả 01 mình, không liên quan gì đến ông Nguyễn Anh K là chồng của bà L, do bị vỡ hụi nên hoàn cảnh khó khăn xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

- Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh K là ông Nguyễn Nhật N trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa có nội dung:

Ông K không đồng ý với yêu cầu của bà X về việc buộc trách nhiệm liên đới đối với tiền hụi mà bà L phải trả cho bà X do không liên quan, không biết việc thỏa thuận chơi hụi này.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng về thẩm quyền thụ lý vụ án; ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho Viện kiểm sát đúng quy định; quá trình thu thập chứng cứ đúng quy định; kiểm tra chứng chứng và hòa giải đúng quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định; nội dung quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như những người tham gia tố tụng nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị: Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà X buộc bà L trả số tiền hụi còn thiếu là 67.640.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của bà X về buộc trách nhiệm liên đới của ông K đối với số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Nghe vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu của bà Đặng Thị Thanh X, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"; trong đó xác định bà Đặng Thị Thanh X là nguyên đơn (Do bà Nguyễn Thị Hồng S là người đại diện theo ủy quyền tại phiên tòa); Bà Nguyễn Thị Phượng L là bị đơn và ông Nguyễn Anh K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (đều do ông Nguyễn Nhật N là người đại diện theo ủy quyền); Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

** Về số tiền góp hụi 67.640.000 đồng mà bà X yêu cầu, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Phía bà L thừa nhận bà L có trực tiếp mở 03 dây hụi như bà X trình bày trong đơn khởi kiện, thống nhất do bà L bị vỡ hụi nên còn nợ bà X số tiền là 67.640.000 đồng như bà X yêu cầu.

Xét về chứng cứ mà các bên cung cấp thấy rằng: Bà X có cung cấp các bản photocopy: Ảnh chụp từ màn hình điện thoại thể hiện thông tin các dây hụi, Tòa án

đã ra thông báo cho bà X nộp bản chính và nộp vi bằng của thừa phát lại nhưng bà X không nộp. Mặc khác, nội dung các tài liệu này chỉ thể hiện về danh sách hụi viên, các quy định chung khi tham gia góp hụi, hoàn toàn không thể hiện từng lần bà X đóng hụi cho bà L. Tuy nhiên, do phía bà L thừa nhận còn thiếu bà X số tiền hụi là 67.640.000 đồng nên căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là sự thật, được thừa nhận, bà X không cần phải chứng minh. Do bà L vi phạm thỏa thuận nên bà X yêu cầu bà L trả số tiền này là phù hợp, được chấp nhận theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

** Về việc bà X yêu cầu trách nhiệm liên đới giữa bà L và ông K đối với số tiền trên, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Bà L cho rằng bà và ông K không còn sống chung từ tháng 11/2019 (con được 01 tuổi) cho đến nay, cả bà L và ông K đều không thừa nhận ông K có liên quan và có nghĩa vụ đối với số tiền hụi do bà L làm đầu thảo. Hội đồng xét xử xét thấy, tuy bà L và ông K là vợ chồng, việc bà L tham gia góp hụi thực hiện trong thời kỳ hôn nhân nhưng bà L và ông K đều không thừa nhận việc bà L chơi hụi có liên quan đến ông K. Trong khi nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà L có sử dụng số tiền chơi hụi này để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình hay ông K có biết, có trực tiếp tham gia góp hụi cùng với bà L.

Đối với chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp tại thời điểm mở phiên tòa liên quan đến việc một người tên Võ Ngọc Q có chuyển khoản tiền cho một người tên Nguyễn Anh K, phía nguyên đơn cho rằng đây là tiền bà Quí đóng tiền hụi, để chứng minh ông K có biết được việc chơi hụi của bà L. Hội đồng xét xử xét thấy: Qua xem xét danh sách 03 dây hụi mà bà X cung cấp khi làm đơn khởi kiện, không có hụi viên nào tên Võ Ngọc Q. Phía đại diện nguyên đơn cũng thừa nhận người tên Quí này không trực tiếp tham gia 03 dây hụi mà bà X đang khởi kiện. Mặc khác, sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ này xác định về thời gian chuyển khoản giữa người tên Võ Ngọc Q và người tên Nguyễn Anh K là trong khoảng thời gian từ tháng 4/2022 đến tháng 6/2022, tức thực hiện sau khi 03 dây hụi mà bà X tham gia đã bị bà L tuyên bố vỡ hụi và không thu tiền hụi nữa. Thời gian này bà X đã thực hiện khởi kiện ra Tòa và đang trong quá trình tố tụng. Phía nguyên đơn không chứng minh được có có mối liên hệ giữa 02 sự kiện pháp lý này, cũng như không chứng minh được chứng cứ đưa ra là đủ căn cứ để xác định trách nhiệm liên đới của ông K nên không có cơ sở để xem xét, không chấp nhận.

Như vậy, số tiền còn thiếu theo yêu cầu của bà X được chấp nhận là 67.640.000 đồng buộc bà L phải có trách nhiệm trả.

Về việc bà L xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng. Phía nguyên đơn không đồng ý. Thấy rằng các bên không thỏa thuận được, không có cơ sở xem xét ghi nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét buộc bà L phải trả cho bà X số tiền còn thiếu, còn về thời gian, phương thức trả tiền sẽ được xem xét, giải quyết trong quá trình thi hành án theo quy định của pháp luật do thuộc giai đoạn thi hành án.

Các đương sự không có yêu cầu khác nên không xem xét, giải quyết.

Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ phải trả.

Bà X phải chịu án phí dân sự sơ không có giá ngạch đối với yêu cầu trách nhiệm liên đới bị bác.

[3]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên:

Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thanh X về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Phượng L trả tiền hụi còn thiếu.

Cụ thể tuyên:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Phượng L có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị Thanh X số tiền hụi còn thiếu là 67.640.000 đồng (Sáu mươi bảy sáu trăm bốn mươi ngàn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị Thanh X về việc buộc trách nhiệm liên đới của ông Nguyễn Anh K đối với số tiền nêu trên.

Các đương sự không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 3.382.000 đồng (Ba triệu ba trăm tám mươi hai ngàn đồng), buộc bà Nguyễn Thị Phượng L phải chịu.

- Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), buộc bà Đặng Thị Thanh X phải. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 1.691.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005786 ngày 15/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam. Hoàn trả cho bà Đặng Thị Thanh X số tiền 1.391.000 đồng (Một triệu ba trăm chín mươi một ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân

sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- THA huyện Mỏ Cày Nam;
- Đương sự;
- Lưu (HS, VP).